Biểu – Table 3.12 Phân bố phần trăm lao động có việc làm theo nhóm tuổi và vị thế việc làm, 2008

Percentage distribution of employed population by age group and employment status, 2008 70

Biểu – Table 3.13 Phân bố phần trăm lao động có việc làm theo nghề nghiệp và giới tính, 2008

Percentage distribution of employed population by occupation and sex, 2008 71

Biểu – Table 3.14 Phân bố phần trăm lao động có việc làm theo nhóm tuổi và nghề nghiệp, 2008

Percentage distribution of employed population by age group and occupation, 2008 72

Biểu – Table 3.15 Số giờ làm việc bình quân trong 7 ngày trước điều tra và tỷ lệ thiếu việc làm của cả nước và thành thị, nông thôn, 2008

Average usual hours worked during the last 7 days prior the survey and under-employment rate of whole contry and urban/rural, 2008 73

Biểu – Table 3.16 Số lượng và phân bố phần trăm người thất nghiệp theo vùng và giới tính, 2008

Number and percentage distribution of unemployed population by region and sex 208 75

Biểu – Table 3.17 Số lượng và phân bố phần trăm người thất nghiệp theo nhóm tuổi và giới tính, 2008

Number and percentage distribution of unemployed population by age group and sex, 2008 76

Biểu – Table 3.18 Số lượng và phân bố phần trăm người thất nghiệp theo trình độ học vấn đạt được và giới tính, 2008

Number and percentage distribution of unemployed population by educational attainment and sex, 2008 79

Biểu – Table 3.19 Số lượng và phân bố phần trăm người thất nghiệp theo trình độ chuyên môn kỹ thuật, 2008

Number and percentage distribution of unemployed population by technical qualification, 2008 80

Biểu – Table 3.20 Số lượng và phân bố phần trăm người thất nghiệp theo tình trạng hôn nhân va giới tính, 2008

Number and percentage distribution of unemployed population by marital status and sex, 2008 81

PDF compression, OCR, web optimization using a watermarked evaluation copy of CVISION PDFCompressor